Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

# Chi tiết mã HS 8502.39

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 8502.39 |
| **Mô tả hàng hóa** | Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay / - Tổ máy phát điện khác: / - - Loại khác: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 19/11/2026 07:57:09 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://www.vietnamtariff.com/hs-code/850239/ |

## 4 dòng thuế thuộc 8502.39

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 8502.39.10 | Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay / - Tổ máy phát điện khác: / - - Loại khác: / - - - Công suất không quá 10 kVA | chiếc | 5% | 0% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8502.39.20 | Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay / - Tổ máy phát điện khác: / - - Loại khác: / - - - Công suất trên 10 kVA nhưng không quá 10.000 kVA | chiếc | 5% | 0% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8502.39.32 | Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay / - Tổ máy phát điện khác: / - - Loại khác: / - - - Công suất trên 10.000 kVA: / - - - - Công suất từ 12.500 kVA trở lên | chiếc | 5% | 0% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8502.39.39 | Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay / - Tổ máy phát điện khác: / - - Loại khác: / - - - Công suất trên 10.000 kVA: / - - - - Loại khác | chiếc | 5% | 0% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.